

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 3/2014**

**Kính gửi: Ban Giám hiệu**

### **I. Mục đích**

1. Khảo sát thông tin việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.
2. Khảo sát ý kiến sinh viên tốt nghiệp (SVTN) về chương trình đào tạo, công tác quản lý và phục vụ đào tạo của nhà trường.

### **II. Quá trình thực hiện**

#### **1. Đối tượng**

Sinh viên tốt nghiệp đợt tháng 3/2014 (C6 878/1264 – gần 70% SVTN tham gia khảo sát).

#### **2. Phương pháp**

SVTN trả lời Phiếu khảo sát online trên trang web <http://danhgia.hcmute.edu.vn>.

#### **3. Thời gian**

Từ 09/6 → 30/6/2014.

### **III. Thống kê kết quả**

#### **A. Mô tả phiếu khảo sát:**

Phiếu khảo sát ý kiến SVTN đợt tháng 3/2014 bao gồm 4 mục lớn:

#### ***Mục I. Thông tin việc làm của SV sau khi tốt nghiệp.***

Phần này bao gồm các câu hỏi liên quan đến việc làm, thu nhập và đào tạo thêm của SVTN. Sinh viên trả lời bằng cách chọn vào các phương án đã được liệt kê sẵn hoặc viết vào các ô trống.

#### ***Mục II. Nhận xét của SVTN về chuẩn đầu ra, mục tiêu và chương trình đào tạo.***

SVTN nhận xét CTĐT đã học và đánh giá mức độ đáp ứng với thực tế công việc. SVTN chọn một trong năm ô, từ Hoàn toàn không đồng ý → Hoàn toàn đồng ý.

#### ***Mục III. Nhận xét của SVTN về công tác quản lý và phục vụ đào tạo.***

SVTN đưa ra ý kiến về điều kiện hỗ trợ học tập như tài liệu, phương tiện máy móc, phòng học, phòng thực hành,...; đăng ký môn học, thời khóa biểu,...; dịch vụ y tế, căn tin,... và chất lượng phục vụ của các đơn vị liên quan. SVTN chọn một trong năm ô, từ Rất không hài lòng → Rất hài lòng.

#### ***Mục IV. Các thông tin khác của SVTN.***

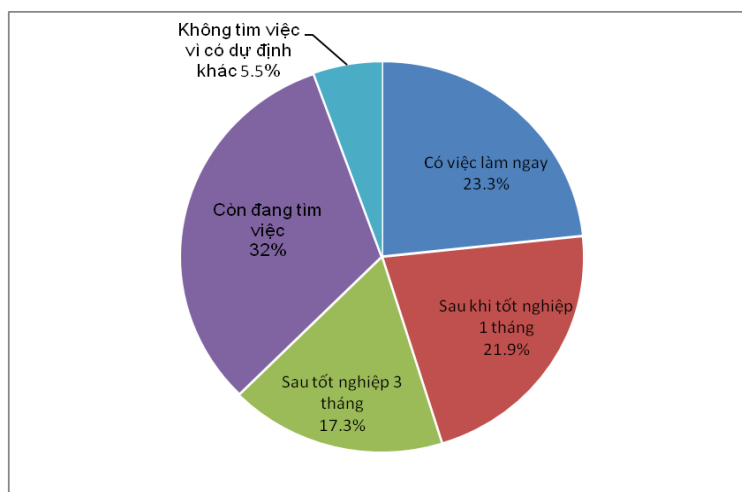
Khảo sát ý kiến SV về kỹ năng tiếng Anh; về các hoạt động ngoại khoá và góp ý của SVTN cho nhà trường. SVTN có thể chọn phương án trả lời có sẵn hoặc tự viết vào các ô trống.

## B. Kết quả khảo sát:

### Mục I. Thông tin việc làm của SV sau khi tốt nghiệp.

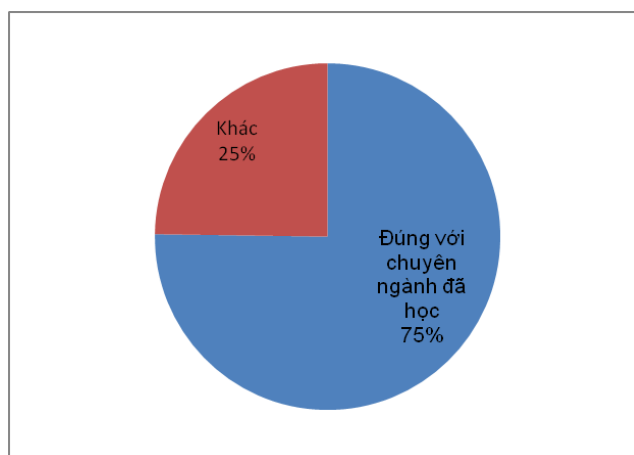
#### 1. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Ba tháng sau khi tốt nghiệp, có 62,5% sinh viên đã có việc làm. Trong đó, có 23,3% sinh viên có việc làm ngay; 21,9% SV có việc làm sau 1 tháng và 11,3% SV có việc làm sau 3 tháng tốt nghiệp. Với việc tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm chưa cao, Nhà trường cần có biện pháp tăng cường các hoạt động hỗ trợ việc làm cho sinh viên.



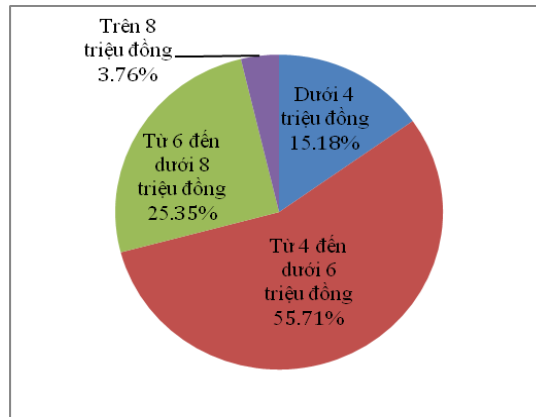
#### 2. Tình hình việc làm của sinh viên có đúng với chuyên ngành đã học

Phần lớn sinh viên sau khi ra trường tìm được việc làm đúng với chuyên ngành đã học (75%). Tuy nhiên, vẫn còn 25% SV còn làm việc chưa đúng chuyên ngành. Điều này có thể vì các SV muốn nhanh chóng tìm được việc làm, hoặc các SV muốn làm việc để có kinh nghiệm, hoặc vì có thể công việc này lương cao hơn, thuận lợi cho việc đi học tiếp của các SV,...

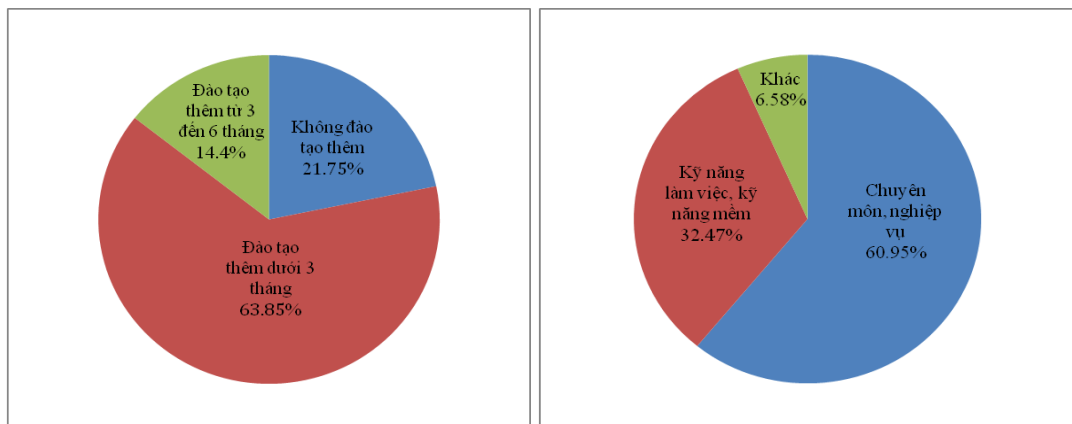


#### 3. Thu nhập bình quân hàng tháng của SVTN

Đa phần sinh viên ra trường làm việc đều có mức lương từ 4 triệu đồng trở lên (85%). Trong đó, có đến 56% SV có mức lương từ 4 đến dưới 6 triệu đồng, đây là mức lương có thể chấp nhận được đối với sinh viên mới ra trường trong thời kỳ hiện nay.



#### 4. Nhà tuyển dụng đào tạo thêm khi đi làm



Nhìn vào sơ đồ trên, chúng ta có thể thấy khi SV ra trường làm việc vẫn cần được đào tạo thêm (khoảng 78%). Trong đó, có tới 60,95% SV được đào tạo thêm về chuyên môn, nghiệp vụ. Vì vậy, Nhà trường cần xem xét và cập nhật lại chương trình đào tạo để sinh viên khi ra trường có thể đáp ứng ngay được với yêu cầu công việc.

#### 5. Anh/ chị có hài lòng với công việc hiện tại không?

Hầu hết sinh viên trả lời là hài lòng với công việc hiện tại khoảng 73%, một số ít sinh viên chưa hài lòng với công việc hiện tại vì một số lý do các SV nêu ra như sau: Công việc không đúng với chương trình được học, lương thấp, làm 12 tiếng một ngày, công việc áp lực cao, công ty chưa xem trọng nhân viên,...

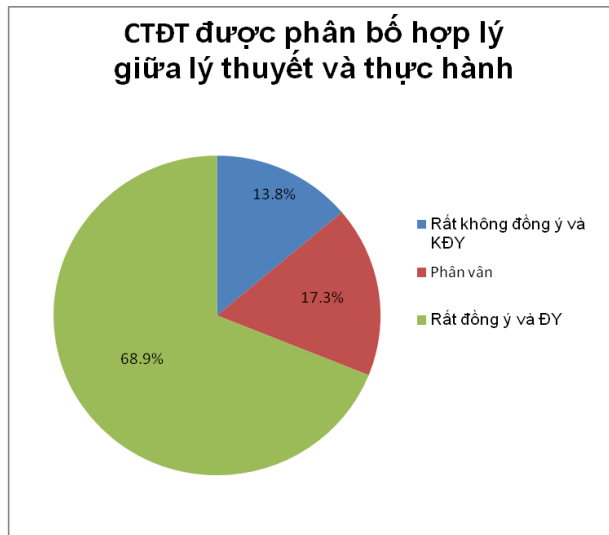
### **Mục II. Nhận xét của SVTN về chuẩn đầu ra, mục tiêu và chương trình đào tạo.**

#### 1. Thông tin cho SV về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và CTĐT

Hầu hết sinh viên đồng ý với việc biết rõ mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các SV cũng đồng ý với việc chương trình đào tạo trang bị cho các SV kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc và giúp sinh viên phát huy được chuyên môn đã học, giúp các SV thích ứng với thị trường lao động (cụ thể chỉ có dưới 10% SV không đồng ý hoặc rất không đồng ý với các phương án nêu trên).

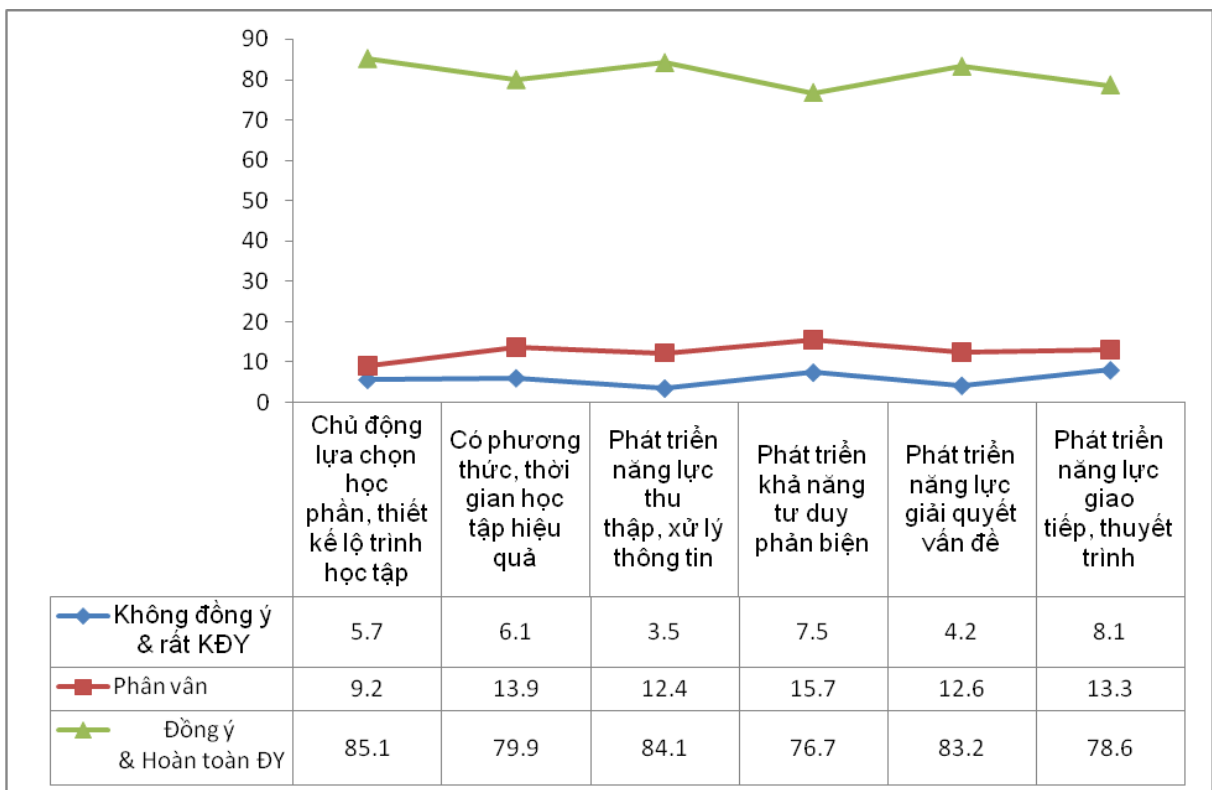
#### 2. CTĐT được phân bố hợp lý giữa lý thuyết và thực hành

Mục này có đến 13,8% SV rất không đồng ý và không đồng ý – một tỷ lệ cần được chúng ta lưu ý.



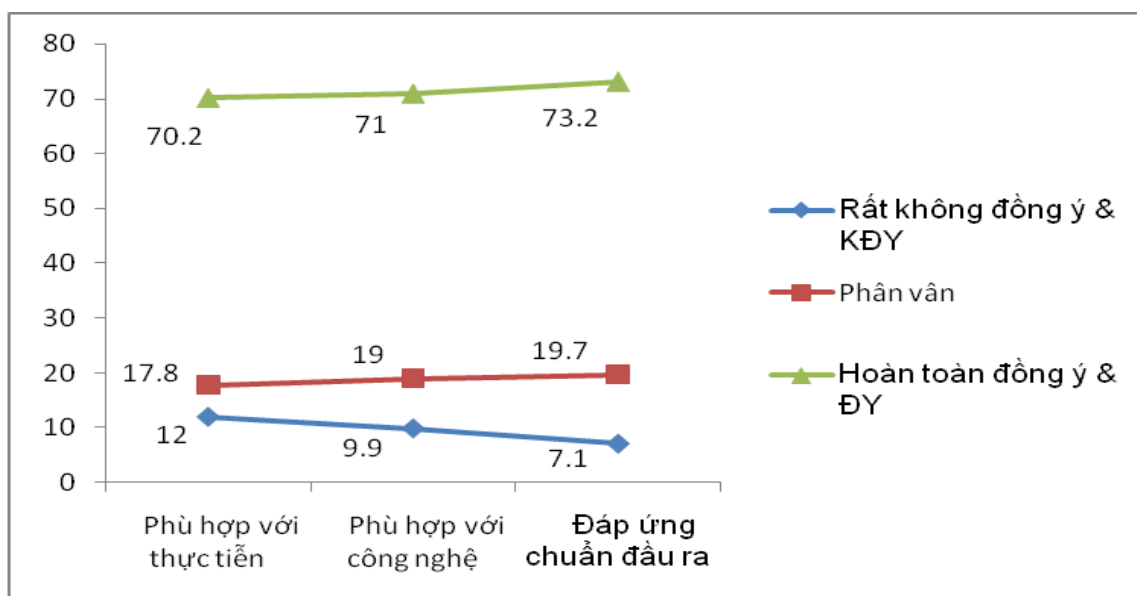
### 3. Đánh giá về nội dung CTĐT

Nội dung chương trình đào tạo đã đáp ứng được hầu hết yêu cầu của sinh viên về việc chủ động lựa chọn học phần, thiết kế lộ trình học tập; có phương thức, thời gian học tập hiệu quả; phát triển năng lực thu thập, xử lý thông tin; Phát triển năng lực tư duy phân biện; Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và Phát triển năng lực giao tiếp, thuyết trình Cụ thể là chỉ có rất ít sinh viên không đồng ý về vấn đề này.



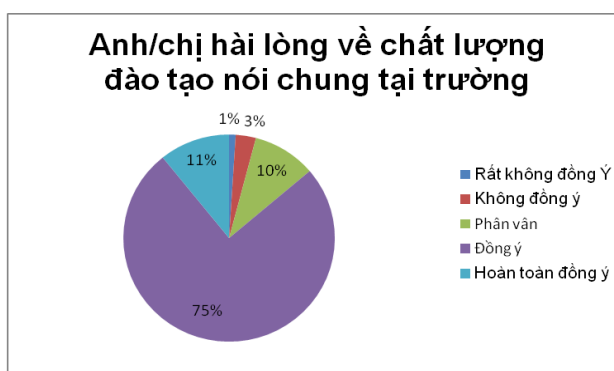
#### 4. Nội dung thực hành, thí nghiệm đáp ứng thực tiễn, phù hợp với công nghệ và đáp ứng chuẩn đầu ra?

Nội dung thực hành và thí nghiệm vẫn chưa đáp ứng được hoàn toàn yêu cầu của sinh viên. Cụ thể, có 12% SV thấy chưa thực tiễn và 9,9% cho rằng lạc hậu về công nghệ.



#### 5. Anh/ chị có hài lòng về chất lượng đào tạo nói chung tại trường

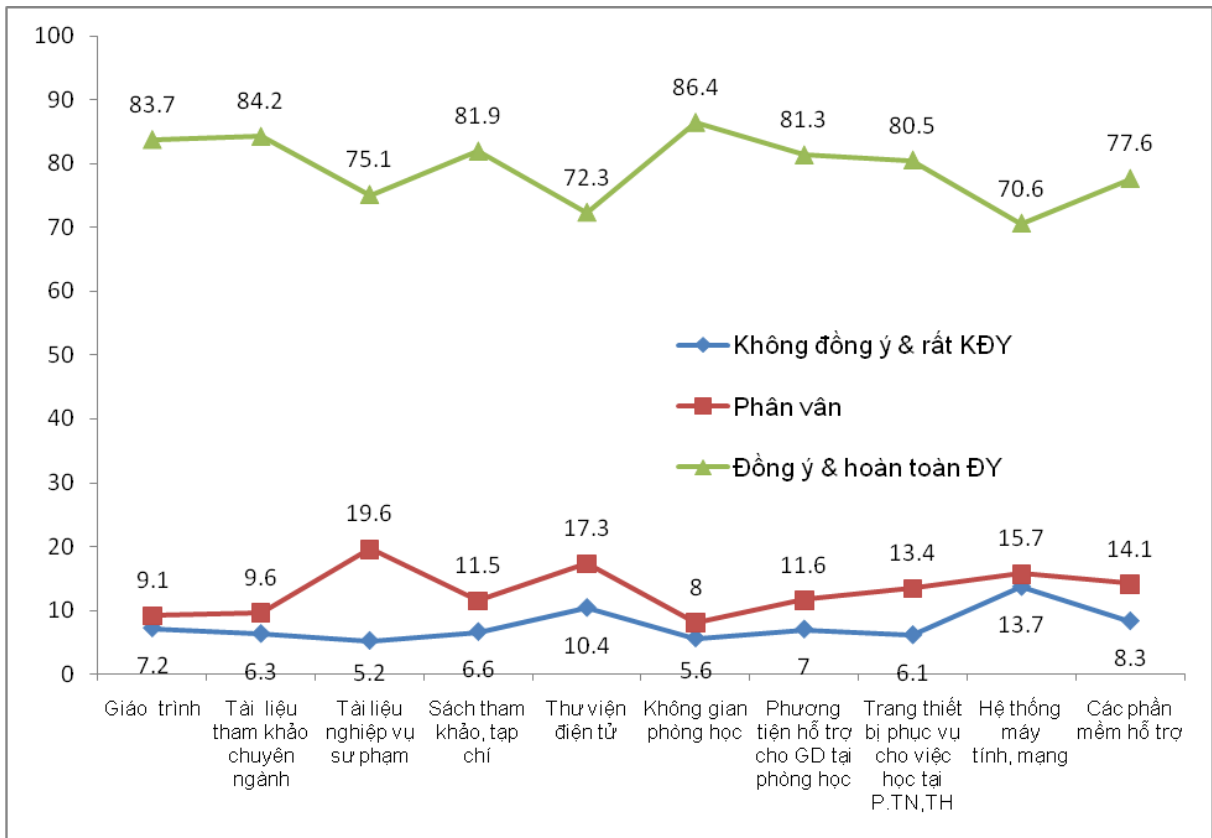
Nhìn chung, sinh viên hài lòng về chất lượng đào tạo của nhà trường (86% đồng ý và rất đồng ý). Tuy nhiên, Nhà trường cần tìm hiểu nguyên nhân vì sao vẫn còn một số trường hợp chưa hài lòng để có biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.



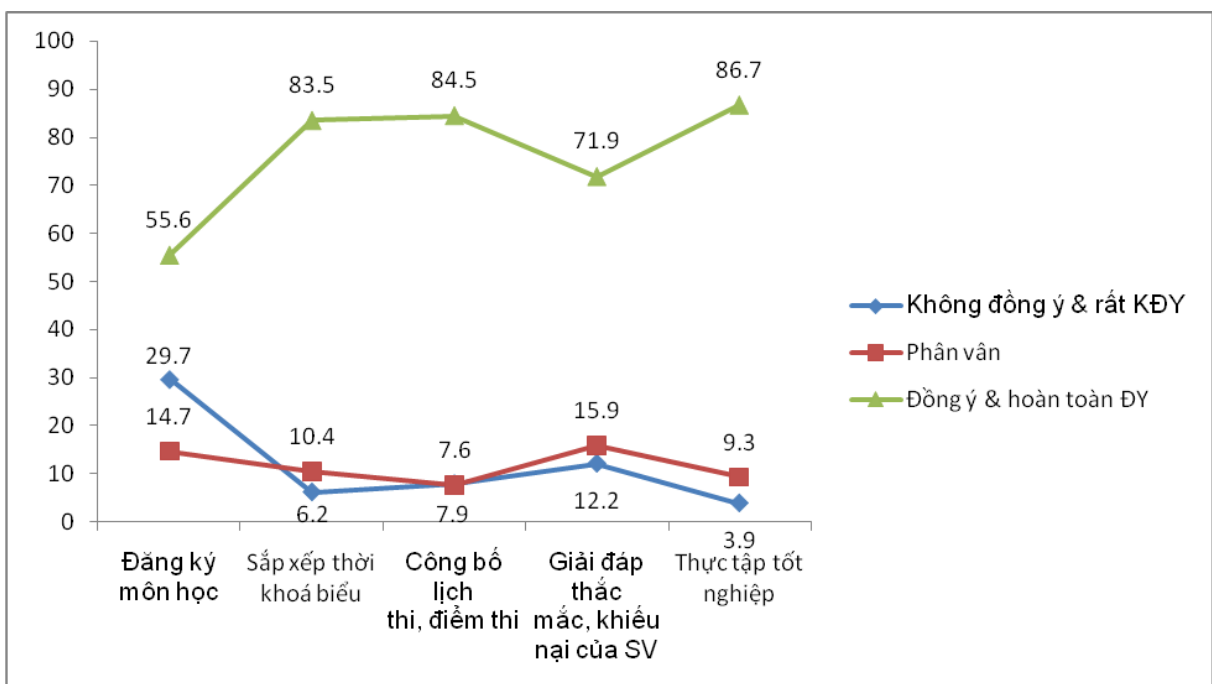
### Mục III. Nhận xét của SVTN về công tác quản lý và phục vụ đào tạo của nhà trường.

#### 1. Về trang bị hỗ trợ học tập

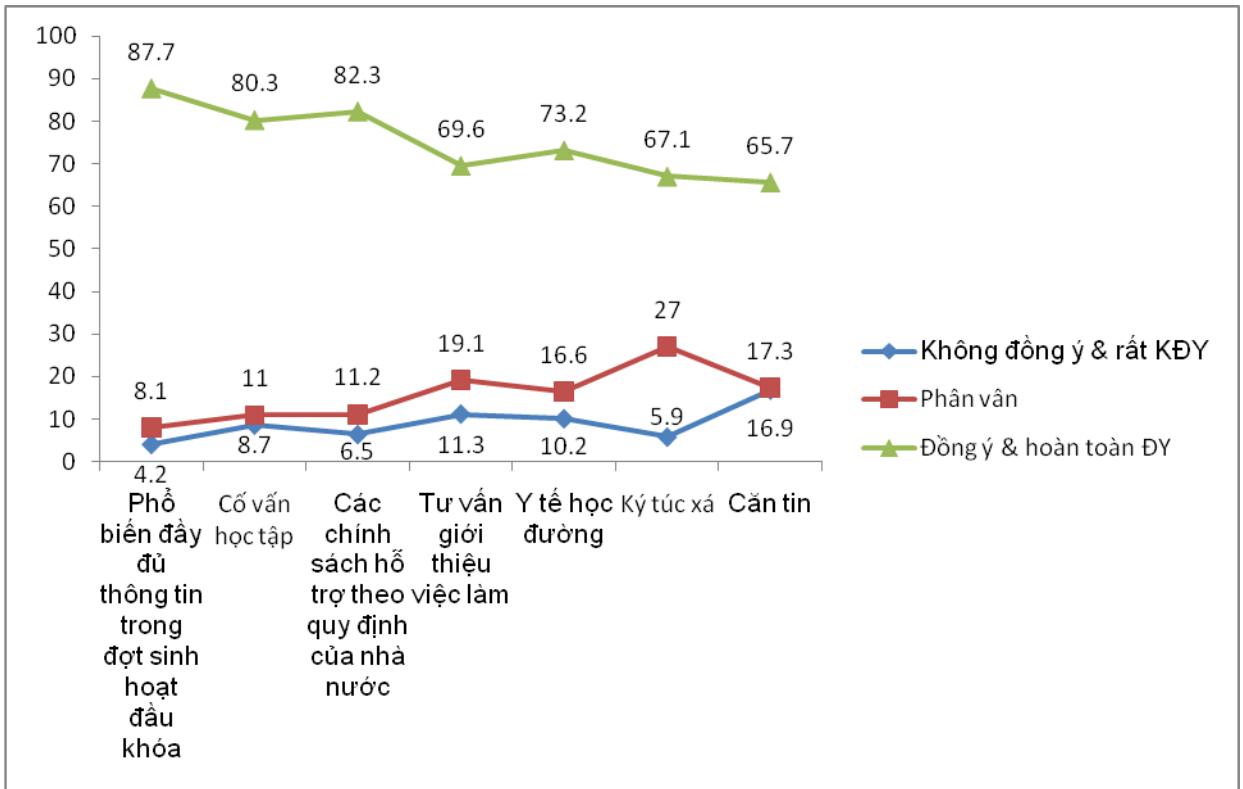
Nhìn chung, sinh viên hài lòng về các trang bị của nhà trường, Tuy nhiên, vẫn còn một số điều các SV vẫn chưa hài lòng, nổi trội là sự đáp ứng về hệ thống máy tính, mạng (13,7%), thư viện điện tử (10,4%). Vì vậy, nhà trường cần xem xét, cải tiến các hệ thống này nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của SV.



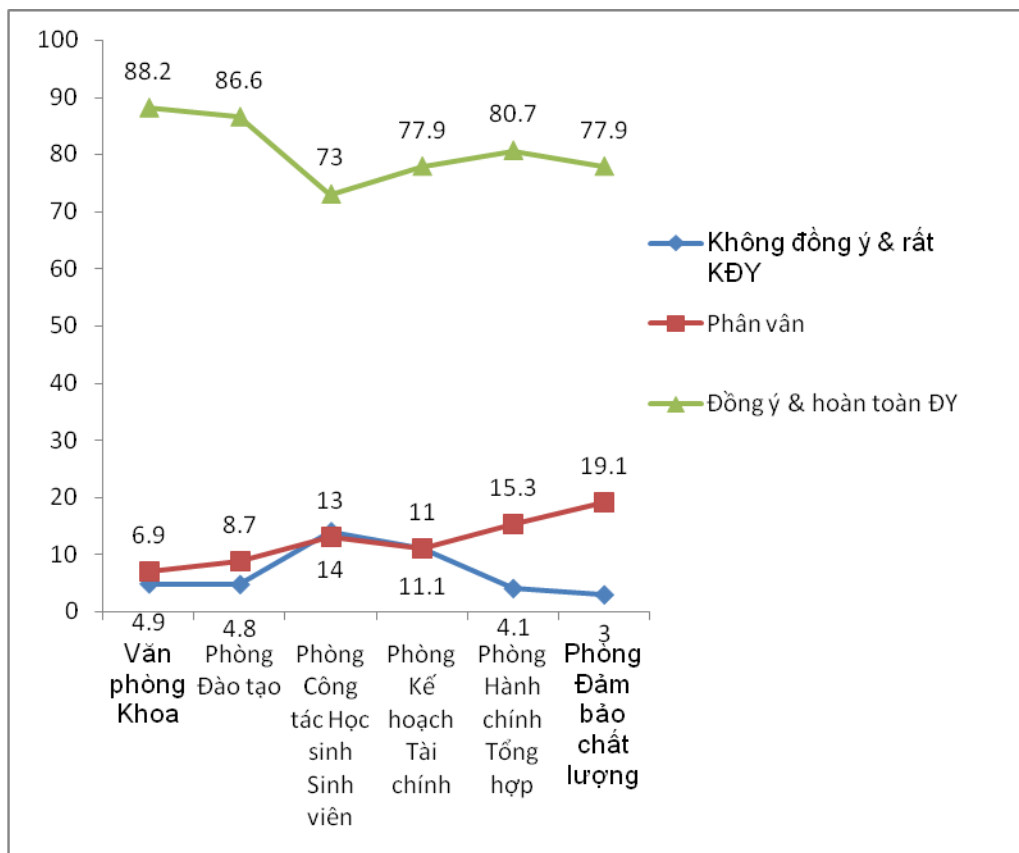
## 2. Sự hài lòng của sinh viên về công tác tổ chức đào tạo và các hoạt động dịch vụ



Sinh viên vẫn thể hiện sự chưa hài lòng của mình đối với việc đăng ký môn học (gần 30% chưa hài lòng). Công tác giải đáp thắc mắc cho sinh viên vẫn còn có 12,2% SV chưa hài lòng.



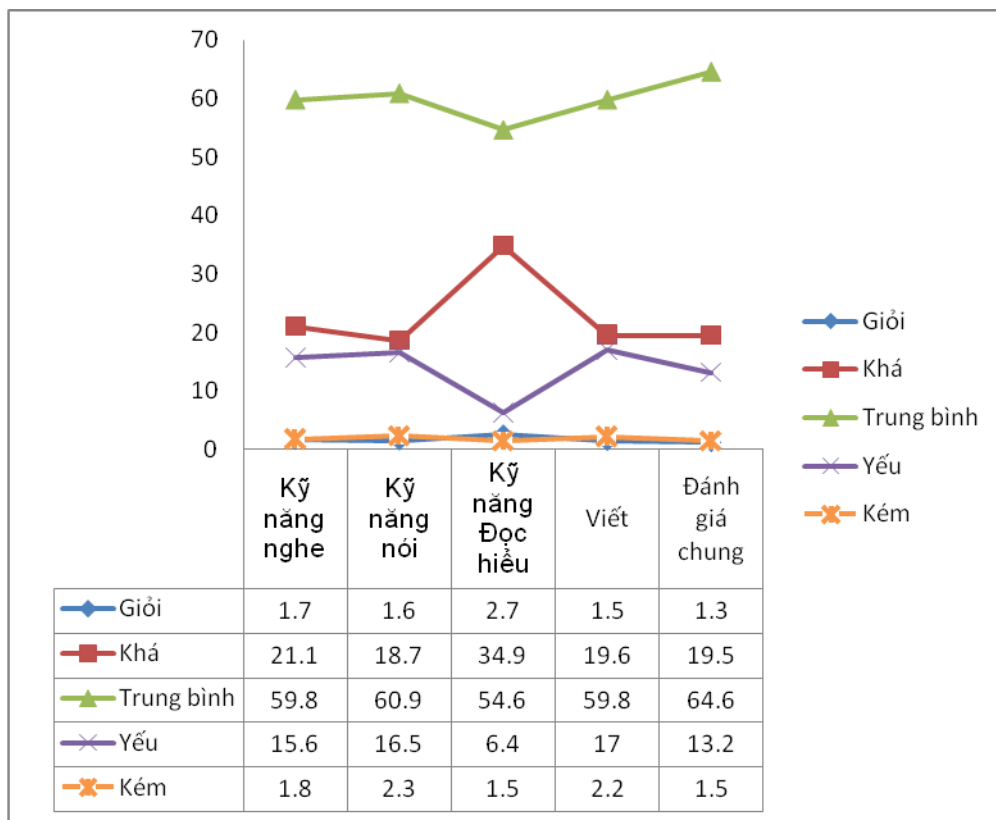
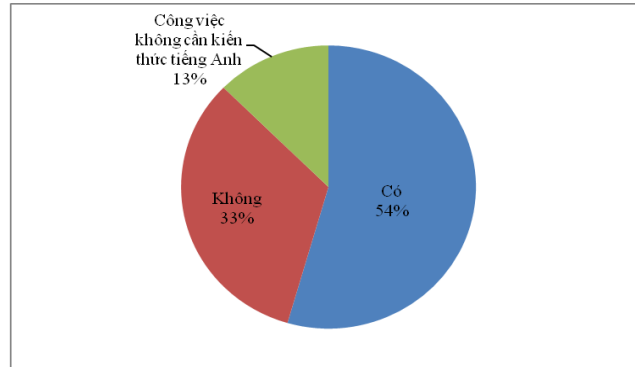
Bên cạnh đó, dịch vụ hỗ trợ sinh viên vẫn cần tiếp tục cải thiện: 16,9% SV chưa hài lòng về căn tin, 11,3% chưa hài lòng về việc tư vấn giới thiệu việc làm và 10,2% chưa hài lòng về y tế học đường.



Hai đơn vị P.KHTC và P.CTHSSV vẫn có nhiều SV phàn nàn về chất lượng phục vụ. Cụ thể là 14% SV chưa hài lòng đối với P.CTHSSV và 11,1% SV đối với P.KHTC.

## Mục IV. Các thông tin khác của SVTN.

### 1. Trình độ tiếng Anh có đáp ứng yêu cầu công việc?

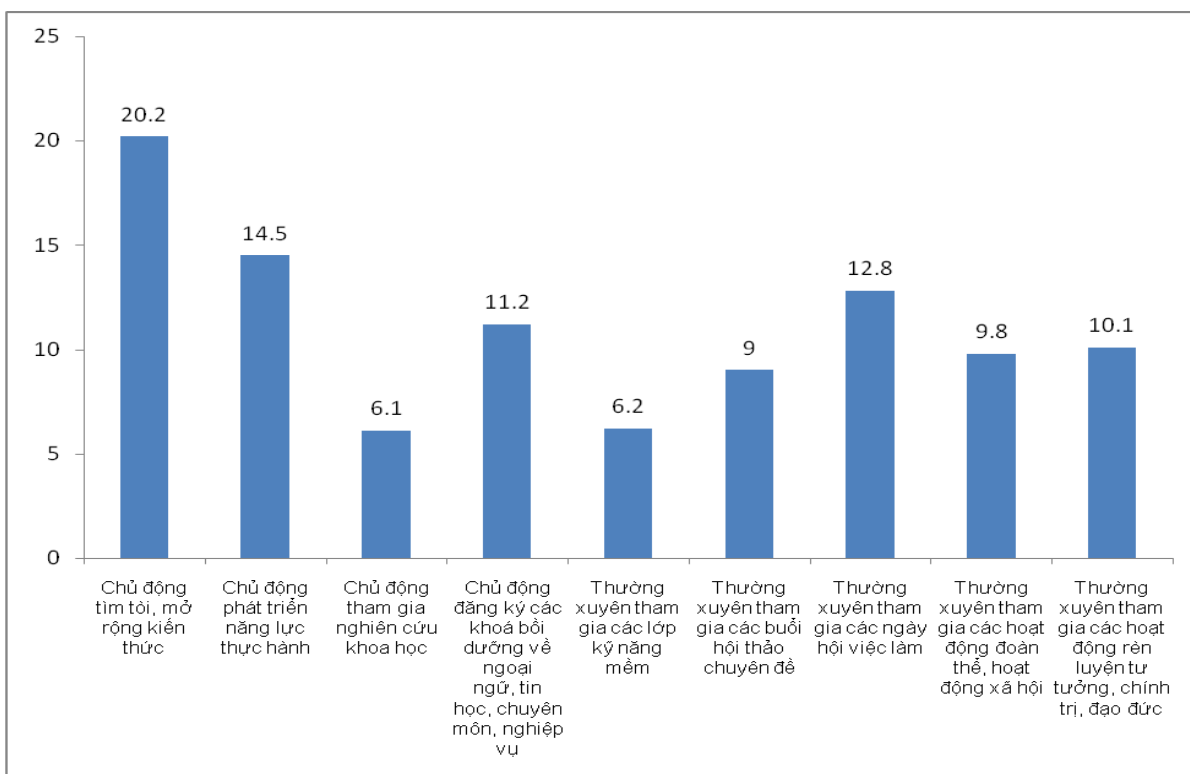


Nhìn vào 2 sơ đồ trên, chúng ta có thể thấy được trình độ tiếng Anh mà các SV tự đánh giá phần lớn ở mức trung bình. Bên cạnh đó, vẫn còn 33% SV thấy kỹ năng tiếng Anh chưa đáp ứng được yêu cầu công việc. Đây là điều mà nhà trường cần chú trọng cải tiến.

### 2. Các hoạt động ngoại khóa của SV

Sinh viên thường chú trọng tham gia các lớp phát triển năng lực thực hành, ngoại ngữ, tin học và tham gia ngày hội việc làm. Trong khi đó, một số hoạt động khác chưa thu hút được nhiều SV tham gia: nghiên cứu khoa học (6,1%), hội thảo chuyên đề (9%) và các lớp kỹ năng mềm (6,2%). Nhà trường cần có các hình thức thông tin đến SV chi tiết hơn về nội dung và hình thức của các hoạt động nhằm lôi kéo SV tham gia. Nên tạo điều kiện cho SV chủ động nhiều hơn trong việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa.





#### IV. Kiến nghị

- Cơ hội việc làm:** Nhà trường cần tiếp tục tăng cường các hoạt động hướng nghiệp cho SV: tổ chức Hội chợ việc làm, đưa doanh nghiệp đến trường gặp gỡ sinh viên, đưa SV đến với doanh nghiệp,...nhằm giúp sinh viên có nhiều cơ hội tìm được việc làm sau khi ra trường.
- Chương trình đào tạo:** Vẫn còn sinh viên chưa hài lòng về CTĐT nói chung và sự phân bố giữa lý thuyết và thực hành trong CTĐT. Nhà trường cần xem xét, tìm hiểu những điều chưa hợp lý và có hướng điều chỉnh hiệu quả.
- Cơ sở vật chất:** Nhà trường cần tăng cường hơn nữa việc sử dụng các thiết bị, công nghệ mới trong thực hành để phù hợp với yêu cầu thực tiễn.
- Các hoạt động ngoại khoá:** Nhà trường cần có biện pháp phổ biến cho SV về tầm quan trọng của các lớp kỹ năng mềm, hội thảo chuyên đề, nghiên cứu khoa học,... để khuyến khích SV tham gia. Bên cạnh đó, nên tăng cường tính chủ động của SV trong việc tổ chức các hoạt động này.
- Tiếng Anh:** Nhà trường cần có chính sách cải tiến từ việc giảng dạy, kiểm tra, đánh giá đầu ra trình độ tiếng Anh nhằm giúp các SV nâng cao hơn nữa năng lực tiếng Anh trong công việc sau khi tốt nghiệp.
- Phục vụ:** Các phòng ban chức năng, đặc biệt là P.CTHSSV và P.KHTC cần cải tiến và nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ SV.

#### Nơi nhận:

- Phòng HCTH (văn bản và file);
- Lưu phòng ĐBCL.

TP. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

TS. Đặng Trường Sơn